

Bản án số: 53/2024/HSST

Ngày: 24 – 4 -2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI S- TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lương Thị Cúc

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông: Nguyễn Văn Dương

2. Ông: Bùi Quốc Kiên

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Lữ Thị Hải Vân – Thư ký TAND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử TAND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2024/HSST ngày 22 tháng 3 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXX- ST, ngày 11 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Mai Đức C; Sinh năm 1979, Quê quán: xã Hải Nh, TX. Nghi S, Thanh H; Nơi cư trú: TDP Quyết Th, phường Nguyên B, thị xã Nghi S, Thanh H; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Mai Đức D – Đã chết, và con bà Hà Thị Th – sinh năm 1953; Vợ: Hoàng Thị Th – sinh năm 1988; có 03 con lớn SN 2014, nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/10/2010, bị TAND tỉnh Thanh Hoá xử phạt 06 năm tù về tội cướp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong bản án và đương nhiên được xoá án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2023 đến ngày 31/12/2023 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H– sinh năm 1982

Địa chỉ: TK 5, phường Hải H, thị xã Nghi S, Thanh H.

+ Anh Lê Xuân S – sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Nam Y, xã Hải Y, thị xã Nghi S, Thanh H.

Đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi nên trong khoảng thời gian từ tháng 05/6/2022 đến 20/12/2023, Mai Đức C (sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố Quyết Th, phường Nguyên B, thị xã Nghi Sơn) đã có hành vi cho một số cá nhân trên địa bàn thị xã Nghi Sơn vay tiền dưới hình thức cho vay tín chấp (không cần tài sản cầm cố, thế chấp), C và những người vay thống nhất 01 tháng vay tính bằng 30 ngày, với lãi suất từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng/triệu/ngày hoặc số tiền lãi trên tổng số tiền vay/tháng. Người vay trả nợ gốc và lãi vay qua tài khoản số 0949.308.678 ngân hàng MB của Mai Đức C hoặc trả trực tiếp bằng tiền mặt cho C.

Quá trình điều tra xác định hành vi cho vay lãi nặng với mức lãi suất cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự của Mai Đức C như sau:

1. Hành vi cho chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1982, trú tại tiểu khu 5, phường Hải H, thị xã Nghi Sơn) vay tiền với lãi suất cao:

- Ngày 16/12/2022, C cho chị H vay 60.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 180%/năm, cao gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thời hạn vay đến ngày 16/01/2023. Tổng số tiền lãi chị H phải trả cho C theo thỏa thuận là 9.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa C được thu theo quy định là 986.301 đồng, số tiền C sẽ thu lợi bất chính là 8.013.699 đồng. Đến hạn trả, Chị H mới trả cho C tổng số tiền lãi là 8.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa C được thu theo quy định là 986.301 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là 7.813.699 đồng, số tiền lãi còn lại 200.000 đồng, C cho chị H. Riêng số nợ gốc chị H chưa trả cho C và còn vay thêm 10.000.000 đồng. C và chị H thống nhất chuyển toàn bộ số nợ gốc trên thành gói vay mới, thời hạn vay tính từ ngày 17/01/2023 (BL 88-97; 129-134; 137-145).

- Ngày 17/01/2023, C cho chị H vay 70.000.000 đồng nêu trên, với lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 180%/năm, cao gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thời hạn vay đến ngày 17/5/2023. Tổng số tiền lãi chị H phải trả cho C theo thỏa thuận là 42.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa C được thu theo quy định là 4.602.740 đồng, số tiền C sẽ thu lợi bất chính là 37.397.260 đồng. Đến hạn, chị H đã trả cho C toàn bộ tiền lãi theo thỏa thuận và 40.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 30.000.000 đồng. C và chị H thống nhất chuyển toàn bộ nợ gốc còn lại thành gói vay mới, thời hạn vay tính từ ngày 19/6/2023, riêng thời gian vay từ ngày 18/5/2023 đến 18/6/2023, C không tính lãi (BL 88-97; 129-134; 137-145).

- Ngày 19/6/2023, C cho chị H vay số tiền 30.000.000 đồng nêu trên, với lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với lãi suất 360%/năm, cao gấp 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thời hạn vay đến ngày 19/9/2023. Đến hạn chị H mới trả cho C số tiền lãi theo thỏa thuận là 27.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa C được thu theo quy định là 1.479.452 đồng, số tiền C thu lợi

bất chính là 25.520.548 đồng, còn nợ lại số tiền gốc. C và chị H thống nhất chuyển toàn bộ số nợ gốc này thành khoản vay mới, thời hạn vay tính từ ngày 20/9/2023 với lãi suất thỏa thuận 4.000.000 đồng/tháng tính trên tổng số tiền vay, tương ứng với lãi suất là 160%/năm, cao gấp 8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Ngày 20/9/2023, C cho chị H vay 30.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận trên, thời hạn vay đến ngày 20/12/2023. Tổng số tiền lãi chị H phải trả cho C là 12.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa C được thu theo quy định là 1.479.452 đồng và số tiền C thu lợi bất chính là 10.520.548 đồng. Đến nay, chị H vẫn chưa trả cho C số tiền lãi và gốc vay nêu trên (BL 88-97; 129-134; 137-145).

Như vậy, trong khoảng thời gian, từ ngày 16/12/2022 đến ngày 20/12/2023, Mai Đức C đã cho Nguyễn Thị H vay 04 lần với mức lãi suất từ 160% đến 360%/năm, cao gấp từ 8 lần đến 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền C đã sử dụng cho vay là 70.000.000 đồng; tổng số tiền lãi chị H phải trả cho C là 90.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa C được thu theo quy định là 8.547.945 đồng và số tiền C thu lợi bất chính là 81.452.055 đồng. Tính đến thời điểm hành vi cho vay lãi nặng của C bị phát hiện là ngày 24/12/2023 thì chị H đã trả cho C 77.800.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tối đa C được thu theo quy định là 7.068.493 đồng và số tiền C thu lợi bất chính là 70.731.507 đồng; chị H còn nợ lại C số tiền gốc là 30.000.000 đồng và 12.000.000 đồng tiền lãi.

2. Hành vi cho anh Lê Xuân S (sinh năm 1978, trú tại thôn Nam Y, xã Hải Y, thị xã Nghi Sơn) vay tiền với lãi suất cao:

- Ngày 05/6/2022, C cho anh S vay 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 180%/năm, cao gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thời hạn vay đến ngày 05/12/2023. Tổng số tiền lãi anh S phải trả cho C là 54.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa C được thu theo quy định là 5.917.808 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là 48.082.192 đồng. Đến nay, anh S đã trả cho C 5.000.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tối đa C được thu theo quy định là 5.917.808 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là 3.082.192 đồng; anh S còn nợ lại 15.000.000 đồng tiền gốc và 45.000.000 đồng tiền lãi (BL 103-105; 129-134; 137-145).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng mà VKS ND thị xã Nghi Sơn truy tố bị cáo.

Bản cáo trạng số 34/CT-VKSNS ngày 22/3/2024 của VKSND thị xã Nghi Sơn truy tố bị cáo Mai Đức C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS. Tại phiên tòa VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 2, 3 Điều 201, Điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của BLHS.

- Xử phạt: Mai Đức C từ 06 đến 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

+ Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 30 triệu đồng để xung công quỹ nhà nước.

- Về các biện pháp tư pháp khác: Đề nghị HĐXX truy thu xung công số tiền gốc bị cáo cho vay đối với những người vay chưa trả tiền gốc như sau: Truy thu chị Nguyễn Thị H 30 triệu đồng; Truy thu anh Lê Xuân S 15 triệu đồng.

+ Truy thu xung công từ bị cáo số tiền 57.986.301 đồng.

- Bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lời bất chính như sau:

+ Trả lại cho Nguyễn Thị H số tiền 70.731.507 đồng.

+ Trả lại cho Lê Xuân S số tiền 3.082.192 đồng.

* Án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Nghi Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa khẳng định:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi nên trong khoảng thời gian từ ngày 05/6/2022 đến ngày 20/12/2023, Mai Đức C đã cho chị Nguyễn Thị H (*sinh năm 1982, trú tại Tiểu khu 5, phường Hải Hoà, thị xã Nghi Sơn*) và anh Lê Xuân S (*sinh năm 1978, trú tại thôn Nam Yên, xã Hải Yên, thị xã Nghi Sơn*) vay 05 lần tiền với mức lãi suất thỏa thuận là từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 160%/năm đến 360%/năm, cao gấp 8 lần đến 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền C sử dụng cho vay được xác định là 90.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi người vay phải trả cho C là 144.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa C được thu theo quy định là 14.465.753 đồng và số tiền C thu lợi bất chính là 129.534.247 đồng. Đến nay, người vay đã trả cho C 86.800.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi tối đa C được thu theo quy định là 12.986.493 đồng và số tiền C thu lợi bất chính là 73.813.699 đồng; chị H còn nợ lại C số tiền gốc là 30.000.000 đồng; anh S còn nợ lại C số tiền gốc là 15.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Mai Đức C là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh tiền tệ. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS như VKSND Thị xã Nghi Sơn tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án: Hiện nay trên địa bàn thị xã Nghi Sơn tệ nạn cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ngày càng nhiều. Lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn các đối tượng đã cho vay với mức lãi xuất cao gấp nhiều lần so với quy định của nhà nước. Bị cáo là người có đầy đủ hành vi dân sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích vụ lợi vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ, đã tiếp tay cho nhiều loại tệ nạn phát triển do đó cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra.

[4]. Xét về nhân thân và trách nhiệm hình sự: Nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên bị cáo đã ra đầu thú tại Cơ quan điều tra Công an thị xã Nghi Sơn, thành khẩn khai báo lại toàn bộ hành vi phạm tội của mình vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu một tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, cần nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo HĐXX thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình cũng căn cứ vào số tiền thu lời bất chính của bị cáo, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo để lượng giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được tính nhân đạo của pháp luật.

Xét mục đích phạm tội của bị cáo là lợi nhuận vì vậy cần áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt bị cáo một khoản tiền nhất định để xung công quỹ nhà nước.

[5]. Xét về các biện pháp tư pháp khác:

Đối với số tiền nợ gốc bị cáo cho vay là 90 triệu được xác định đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần phải truy thu xung công quỹ nhà nước, chị H đã trả cho bị cáo 40 triệu và anh S trả cho bị cáo 05 triệu tiền gốc vì vậy cần truy thu xung công số tiền 45 triệu tiền gốc từ bị cáo và truy thu 30 triệu từ chị Nguyễn Thị H; truy thu số tiền 15 triệu từ anh Lê Xuân S.

Đối với số tiền lãi tôi đã bị cáo được phép thu theo quy định là 12.986.301 đồng được xác định đây là tiền phát sinh do phạm tội mà có nên cần truy thu số tiền này từ bị cáo để xung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền lãi những người vay đã trả cho bị cáo vượt quá mức quy định và phải chịu trách nhiệm hình sự thì cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay như sau:

- + Trả lại cho Nguyễn Thị H số tiền 70.731.507 đồng.
- + Trả lại cho Lê Xuân S số tiền 3.082.192 đồng.

[6]. Xét về vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y12S, dung lượng 32Gb, RAM: 3 GB, màu xanh đen, có số IMEI 1: 865652058228836, có lắp sim số 0949308678, IMEI 2: 865652058228828, có lắp sim 2 số: 0387099263, điện thoại đã qua sử dụng. Bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu bán xung công.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ vào:** Khoản 2,3 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS

- **Tuyên bố:** Bị cáo Mai Đức C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

- **Xử phạt;** Mai Đức C 06 tháng tù (được trừ số ngày tạm giữ từ ngày 25/12/2023 đến ngày 31/12/2023). Thời hạn tù còn lại phải chấp hành được tính từ ngày bắt giam thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án.

- Phạt bị cáo 30 triệu đồng để xung công quỹ nhà nước.

- **Về áp dụng các biện pháp tư pháp khác:** Truy thu xung công từ bị cáo số tiền 57.986.301 đồng. Truy thu chị Nguyễn Thị H 30 triệu đồng; Truy thu anh Lê Xuân S 15 triệu đồng.

- Bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lời bất chính như sau:

- + Trả lại cho Nguyễn Thị H số tiền 70.731.507 đồng.
- + Trả lại cho Lê Xuân S số tiền 3.082.192 đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng: điểm b, c khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu bán xung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y12S, dung lượng 32Gb, RAM: 3 GB, màu xanh đen, có số IMEI 1: 865652058228836, có lắp sim số 0949308678, IMEI 2: 865652058228828, có lắp sim 2 số: 0387099263, điện thoại đã qua sử dụng

- **Án phí :** Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và điểm 1, mục I, điểm b tiểu mục 1.3, điểm 1, phần II bản danh mục án phí, lệ phí tòa án.

- Bị cáo phải chịu 200.000^d tiền án phí HSST.

- **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331 và 333 BL TTHS năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật THA dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại Điều 6, 7. 7a và 9 Luật THA dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND Tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TX. Nghi Sơn, Thanh Hóa.
- Công an TX. Nghi Sơn, Thanh Hóa.
- THADS TX. Nghi Sơn, Thanh Hóa.
- Bị cáo;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Cúc